|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THPT NGUYỄN BÍNH** |  |

**BỘ SÁCH CÁNH DIỀU**

**Bài 23. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG**

 **ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

Môn học: Địa lí; lớp 10

Thời gian thực hiện: (01 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

1**. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù:**

*- Nhận thức khoa học địa lí:*

- Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp.

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

*- Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

\* Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…

\* Biết đọc và sử dụng bản đồ.

- *Khai thác Internet phục vụ môn học*

Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn để tìm hiểu về cuộc cách mạng 4.0

*- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Rèn luyện kĩ năng liên hệ thực tiễn Việt Nam, phân tích những vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế.

+ Rèn luyện cho HS kĩ năng liên hệ thực tế công nghiệp ở địa phương.

**b. Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, bản đồ…

**2. Về phẩm chất**

*- Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

*- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Các hình ảnh về vai trò, đặc điểm công nghiệp

- Bản đồ công nghiệp thế giới

**2. Học liệu**

- Thẻ bài có màu sắc với 4 màu Xanh, đỏ, vàng, trắng. Số lương tương đương số lượng học sinh chia 4.

- giấy A0, Bút dạ, bút màu….

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) - 5 phút**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy cho học sinh.

**b. Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập của giáo viên

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

- Bước 1: Giao nhiệm vụ: Cá nhân học sinh quan sát các hình ảnh mà GV cung cấp, kể tên một số ngành công nghiệp ( phụ lục 1)

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ trong 2 phút.

- Bước 3: Trao đổi, thảo luận và báo cáo kết quả:

 GV gọi học sinh trả lời, các học sinh khác bổ sung chỉnh sửa cho nhau, trên cơ sở kết quả đó GV dẫn dắt vào bài học.

- Bước 4: Đánh giá: GV quan sát, đánh giá hoạt động của học sinh.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động Hình thành kiến thức mới (40 phút)**

**NỘI DUNG 1: Vòng Chuyên Gia**

**(15 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Học sinh trình các nhóm độc lập tìm hiểu được nội dung làm việc của nhóm về vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp.

**b. Nội dung**

Hs tiến hành học động nhóm, hoàn thành các phiếu học tập số 1 của nhóm.

Phiếu 1A. Vai trò của công nghiệp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Vai trò** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

Phiếu 1B. Đặc điểm công nghiệp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đặc điểm** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |

Phiếu 1C. Cơ cấu ngành công nghiệp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Các nhóm ngành** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

Phiếu 1D. Nhân tố ảnh hưởng. Lựa chọn 1 trong 3 nhóm nhân tố lấy ví dụ minh họa

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm nhân tố** | **Ảnh hưởng** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 | **Vị trí địa lí** |  |  |
| 2 | **Tự nhiên** | Điều kiện tự nhiên. Tài nguyên thiên nhiên |  |  |
| 3 | **Kinh tế- xã hội** | Dân cư lao động |  |  |
| Khoa học công nghệ |  |  |
| Vốn đầu tư và thị trường |  |  |
| Chính sách phát triển  |  |  |

**c. Sản phẩm:**

**Phiếu học tập 1A**. Vai trò của ngành công nghiệp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Vai trò** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 | Cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế | - Công nghiệp khai thác than cung cấp tư liệu cho ngành điện lực |
| 2 | Cung cấp hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng cho cuộc sống con người, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ văn minh cho xã hội.  | - Công nghiệp dệt may, sản xuất thực phẩm cung cấp phục vụ nhu cầu con người. - Công nghiệp điện tử - tin học người máy , robot nâng cao trình độ văn minh  |
| 3 | Góp phần khai thác hiệu quả các tài nguyên, làm biến đổi sâu sắc không gian kinh tế, đóng vai trò là hạt nhân phát triển vùng | - Công nghiệp vật liệu xây dựng giúp khai thác hiệu quả tài nguyên đá vôi, cát. |

**Phiếu 1B**. Đặc điểm công nghiệp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đặc điểm** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 | Gắn liền với sử dụng máy móc và những tiến bộ của khoa học – công nghệ là động lực thúc đẩy sản xuất công nghiệp | - Công nghiệp sản xuất ô tô sử dụng máy móc và áp dụng các tiến bộ hiện đại nhất |
| 2 | Có tính chất tập trung cao độ, mức độ tập trung hóa, chuyên môn hóa cao | Các khu công nghiệp tập trung hàng nghìn lao động, máy móc , nguyên vật liệu… |
| 3 | Tiêu thụ khối lượng lớn nguyên nhiên liệu và năng lượng nên phát thải ra môi trường nhiều |  Công nghiệp nhiệt điện sử dụng than đốt tao ra điện, nhưng đồng thời cũng thải khí thải ra môi trường |
| 4 | Có tính linh hoạt trong phân bố theo không gian | Có thể phân bố khắp mọi nơi… |

**Phiếu 1C.** Cơ cấu ngành công nghiệp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Các nhóm ngành** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 | Công nghiệp khai thác | CN khai thác than, khai thác dầu khí… |
| 2 | Công nghiệp chế biến | CN chế biến thủy hải sản, CN lọc hóa dầu… |
| 3 | Dịch vụ công nghiệp | Thiết kế mẫu mã, quảng cáo trong CN sản xuất ô tô…. |

**Phiếu 1D**. Nhân tố ảnh hưởng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm nhân tố** | **Ảnh hưởng** | **Ví dụ minh họa** |
| 1 | **Vị trí địa lí** | - Lựa chọn địa điểm xây dựng, phân bố công nghiệp- Khả năng tiếp cận thị trường | - Các khu công nghiệp gần đường quốc lộ, nơi đông dân |
| 2 | **Tự nhiên** | Điều kiện tự nhiên. Tài nguyên thiên nhiên | - Khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu ngành và lãnh thổ.- Qúy đất và giá đất ảnh hưởng đến phân bố công nghiệp- Tài nguyên nước , rừng , biển ảnh hưởng đến phân bố CN | - TN đá vôi ở Thanh Hóa -> hình thành phát triển các nhà máy sản xuất xi măng- TN nước của sông Đà -> nhà máy thủy điện Sơn La |
| 3 | **Kinh tế- xã hội** | Dân cư lao động | - Đảm bảo lực lượng sản xuất (số lượng, chất lượng)- Tác động đến thị trường tiêu thụ. | - Nguồn lao động đông đảo, giá rẻ -> CN dệt may Việt Nam- Mức sống dân cư Nhật Bản cao -> CN điện tử- tin học |
| Khoa học công nghệ | - Thay đổi quy trình công nghệ, sử dụng năng lượng tái tạo, nguyên liệu thay thế cho phát triển bền vững- Xuất hiện các ngành mới, linh hoạt trong phân bố. | - Nền KHCN phát triển tại Mỹ -> sử dụng năng lương gió, mặt trời trong sản xuất điện- Nền KHCN phát triển -> Liên Bang Nga phát triển mạnh CN hàng không vũ trụ |
| Vốn đầu tư và thị trường | - Đòn bẩy cho phát triển và phân bố công nghiệp.- Thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp | - Vốn đầu tư ảnh hưởng rất lớn đến CN ví dụ như CN khai thác dầu khi của nước ta được phát triển sau năm 1986 sau khi đất nước đổi mới mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài |
| Chính sách phát triển  | - Ảnh hưởng tới sự phân bố và cơ cấu ngành CN trong từng giai đoạn- Xác định các hình thức TCLTCN- Xây dựng thương hiệu sản phẩm | - Việt Nam của chúng ta giai đoạn đầu tiến hành công nghiệp hóa chú trọng các ngành CN chế biến do nguồn vốn hạn chế, lao động đông , như cầu thị trường lớn |

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** + GV chia lớp thành 4 nhóm ( sắp xếp chỗ ngồi để số lượng nhóm tương đương nhau) và phát cho từng thành viên trong nhóm các thẻ bài ( Đảm bảo mỗi nhóm đều có 4 thẻ bài 4 màu)

 + GV phát phiếu học tập cho 4 nhóm, yêu cầu các nhóm quan sát lược đồ công nghiệp trên bảng, kết hợp hiểu biết của bản thân trao đổi hoàn thiện các nội dung trong phiếu học tập trong 7 phút.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

**NỘI DUNG 2: NHÓM CÁC MẢNH GHÉP**

**(20 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày và hiểu được vai trò, đặc điểm, cơ cấu và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển , phân bố công nghiệp

- Thiết kế được đồ tư duy kiến thức toàn bài

**b. Nội dung**

- Thiết kế được sơ đồ tuy duy về ngành công nghiệp

**c. Sản phẩm:**

- Các sản phẩm sơ đồ được trình bày trên giấy A0 và được treo trên bảng.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu tất cả các thành viên có thẻ bài màu sắc giống nhau về cùng 1 nhóm. Như vậy có 4 nhóm với 4 màu: ĐỘI XANH, ĐỘI ĐỎ, ĐỘI VÀNG, ĐỘI TRẮNG và tiến hành trao đổi, thiết kế sơ đồ tư duy minh hoa nội dung toàn bài học.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi các phiếu học tập của mình, tiến hành thiết kế sơ đồ tư duy nội dung toàn bài trong 10 phút

**- Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, HS các nhóm treo sản phẩm lên bảng, lần lượt đại diện các nhóm trình bày trong 10 phút

Các nhóm còn lại nghe và đánh giá nội dung theo các tiêu chí.

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ NỘI DUNG THỰC HÀNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ**  | **MỨC A** | **MỨC B** | **MỨC C** |
| Nội dung | - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cẩu, các nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp- Lấy được ví dụ minh họa toàn bộ các ý phần vai trò, đặc điểm cơ cấu, và ví dụ cho 1 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp trở lên | - Trình bày được vai trò, đặc điểm , cơ cấu công nghiệp song còn chưa lấy được hết ví dụ minh họa .- Chưa lấy được ví dụ minh họa cho 1 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp | - Trình bày sai 1 hoặc nhiều hơn trong các nội dung về vai trò, đặc điểm, cơ cấu công nghiệp- Chưa lấy được ví dụ minh họa cho 1 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp |
| Sản phẩm | - Đầy đủ ý, sinh động, màu sắc hài hòa- Các hình ảnh vẽ minh họa sáng tạo | - Đảm bảo trình bày được đủ nội dung- Có thể hiện theo hình thức sơ đồ | - Không hiển thị được hết nội dung- Không sử dụng hình thức sơ đồ |
| Phong cách tình bày | Trình bày lôi cuốn, hấp dẫn người nghe, tự tin, phát âm dễ nghe, tốc độ trình bày thong thả, mạch lạc, biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể. | Trình bày mạch lạc, dễ hiểu nhưng chưa hấp dẫn | Trình bày kém hấp dẫn, không tạo được hứng thú cho người nghe |
| Quản lý thời gian | Đảm bảo thời gian  | Quá thời gian dưới 1 phút | Quá thời gian từ 1 phút trở lên |

**- Kết luận, nhận định:**

- Gv nhận xét, đánh giá sản phẩm của hs

- GV chốt kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (3 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức bài học

**b. Nội dung**

- GV tổ chức cho học sinh vận dụng kiến thức đã thực hành trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm**

- Kết quả câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** **Ngành công nghiệp nào sau đây thuộc nhóm công nghiệp khai thác?**

A. Khai thác dầu mỏ. B. Sản xuất máy móc.

C. Chế biến gỗ. D. Chế biến thực phẩm.

**Câu 2:** Tính chất tập trung cao độ của sản xuất công nghiệp không được thể hiện ở việc

A. Tập trung tư liệu sản xuất. B. Tập trung đất đai.

C. Tập trung nhân công. D. Tập trung sản phẩm.

**Câu 3:** **Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với sản xuất công nghiệp?**

A. Gồm một số ngành độc lập với nhau. B. Có tính chất tập trung cao độ.

C. Tiêu thụ khối lượng lớn nguyên nhiên liệu

D. Sản xuất theo hình thức chuyên môn hóa, hợp tác hóa, liên hợp hóa.

Câu 4: Các đặc điểm nào của khoáng sản chi phối quy mô, cơ cấu, tổ chức các xí nghiệp công nghiệp?

A. Trữ lượng, chất lượng.

B. Màu sắc, trữ lượng, chất lượng, phân bố.

C. Trữ lượng, chất lượng, chủng loại, phân bố.

D. Hình dạng, phân bố.

Câu 31: Thị trường ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất công nghiệp

A. Lựa chọn vị trí, hướng chuyên môn hóa trong sản xuất công nghiệp

B. Quy mô, cơ cấu, tổ chức các xí nghiệp công nghiệp.

C. Chi phối và việc lựa chọn kĩ thuật và công nghệ sản xuất.

D. Cơ sở cung cấp vật liệu xây dựng, nguyên liệu cho công nghiệp

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (2 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học

**b. Nội dung:**HS thực hiện bài tập theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:**Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**: Em hãy nêu những hiểu biết của mình về cuộc cách mạng 4.0

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu nguyên nhân, có thể về nhà tìm hiểu, ghi lại câu trả lời, sẽ báo cáo vào tiết học sau.

*- Thuật ngữ "Cách mạng công nghiệp lần thứ tư" đã được áp dụng cho sự phát triển công nghệ quan trọng một vài lần trong 75 năm qua, và là để thảo luận về học thuật. Khái niệm Công nghiệp 4.0 hay nhà máy thông minh lần đầu tiên được đưa ra tại Hội chợ công nghiệp Hannover tại Cộng hòa Liên bang Đức vào năm 2011. Công nghiệp 4.0 nhằm thông minh hóa quá trình sản xuất và quản lý trong ngành công nghiệp chế tạo. Sự ra đời của Công nghiệp 4.0 tại Đức đã thúc đẩy các nước tiên tiến khác như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ thúc đẩy phát triển các chương trình tương tự nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh của mình.*

*- Bản chất của CMCN lần thứ 4 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,...*

*Cuộc CMCN thứ 4 hay Công nghiệp 4.0, là xu hướng hiện tại của tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nó bao gồm các hệ thống mạng vật lý, mạng Internet kết nối vạn vật và điện toán đám mây.*

*Cuộc CMCN lần thứ 4 không chỉ là về các máy móc, hệ thống thông minh và được kết nối, mà còn có phạm vi rộng lớn hơn nhiều. Đồng thời là các làn sóng của những đột phá xa hơn trong các lĩnh vực khác nhau từ mã hóa chuỗi gen cho tới công nghệ nano, từ các năng lượng tái tạo tới tính toán lượng tử.*

PHỤ LỤC 1

 

 



 

